

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No. 605/2026/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 12/05/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	6,100	4.60%
2	BID	400	0.55%
3	CTG	2,000	2.36%
4	EIB	2,100	1.58%
5	HCM	800	0.73%
6	HDB	8,900	7.94%
7	LPB	1,200	2.10%
8	MBB	12,200	10.52%
9	MSB	1,600	0.72%
10	NAB	100	0.04%
11	OCB	100	0.04%
12	SHB	18,700	8.78%
13	SSB	300	0.17%
14	SSI	7,600	7.13%
15	STB	4,600	11.02%
16	TCB	11,500	12.89%
17	TPB	1,700	0.89%
18	VCB	1,500	3.00%
19	VCI	1,300	1.11%
20	VIB	1,600	0.85%
21	VIX	10,100	6.48%
22	VND	2,000	1.09%
23	VPB	15,300	14.11%



Handwritten signature or mark.

<b>I</b>	<b>Chứng khoán/Stock</b>	<b>2,975,710,000</b>	<b>98.70%</b>
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash(VND)</b>	<b>39,225,593</b>	<b>1.30%</b>
<b>III</b>	<b>Tổng/Total (=I+II)</b>	<b>3,014,935,593</b>	<b>100%</b>

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoàn đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	<b>2,975,710,000</b>
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	<b>3,014,935,593</b>
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	<b>39,225,593</b>

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	HCM	27,550	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	SSI	28,300	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VCI	25,700	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	BID	41,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 12/05/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 11/05/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	18,900,000.00	18,900,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	30,300.00	30,270.00	30.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	569,822,827,184.00	571,858,913,221.00	-2,036,086,037.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	3,014,935,593.00	3,025,708,535.00	-10,772,942.00
của 1 CCQ/ per Share	30,149.35	30,257.08	-107.73
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,978.93	2,962.01	16.92

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 11/05/2026.

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 10/05/2026.

Đại diện tổ chức  
Organization representative



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Thùy Linh*

